

DANH MỤC VẬT TƯ HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã sau chuẩn hóa	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng đề xuất mua sắm bổ sung	Ghi chú
V	Hệ thống Nhiên liệu								
1	Máy hút than								
	Cần ngang	Hộp giảm tốc trục vít ngang	48216053	TYPE: H2DH10 B HORSE POWER: 328 kW RATIO: 12,452 INPUT SPEED: 1500 l/min OUTPUT SPEED: 120,46 l/min OIL QUANTITY: 45 L OIL VISCOSITY: ISO VG320 PAO-OIL	REDUCER; GEAR TYPE: H2DH10 B SIZE: 1025x664 APPLICATION: Ship Unloader HORSE POWER: 328 kW RATIO: 12,452 RPM: 1500 rpm SHAFT SIZE: 155m6 TORQUE: N/A MATERIAL: Steel ADDITIONAL INFORMATION: Gear unit Part list 22.01.01.03, Dawg 6236925, PN 3767942 (H2DH 10 B)	Siemens/Đức	Bộ	1	
	Cần đứng	Xylanh thủy lực cần đứng	48523020	Pendulum cylinders, Part No: 2219-0001, Model code: S-200 320/180-2185 A F1F2 (Bao gồm Motion Control Valve, đường ống dẫn dầu)	CYLINDER; HYDRAULIC TYPE: Model code: S-200 320/180-2185 A F1F2 SIZE: N/A APPLICATION: Ship Unloader BORE: N/A CYLINDER MATERIAL: N/A STROKE: N/A ADDITIONAL INFORMATION: Pendulum cylinders, Part No: 2219-0001, Model code: S-200 320/180-2185 A F1F2	Koch Solutions/Đức	Bộ	1	
	Cần ngang	Xylanh thủy lực cần ngang	48523018	Luffing cylinders, Part No: 2219-0002, Model code: S-200 420/180-3200 A F5F2 (Bao gồm Motion Control Valve, đường ống dẫn dầu)	CYLINDER; HYDRAULIC TYPE: Model code: S-200 420/180-3200 A F5F2 SIZE: N/A APPLICATION: Ship Unloader BORE: N/A CYLINDER MATERIAL: N/A STROKE: N/A ADDITIONAL INFORMATION: Pendulum cylinders, Part No: 2219-0001, Model code: S-200 320/180-2185 A F1F2	Koch Solutions/Đức	Bộ	1	

	Mâm xoay	Bánh răng mâm xoay máy hút than	58695002	Mã part list 30.01.01.05; PN 1866419	GEAR; DRIVE TYPE: Part list 30.01.01.05 PN 1866419 POWER RATING: N/A RPM: N/A DIAMETER: 3202 mm MATERIAL: Steel NUMBER OF TEETH: N/A PITCH DIAMETER: N/A APPLICATION: Shipunloader ADDITIONAL INFORMATION: Part list 30.01.01.05 PN 1866419	Koch Solutions/Đức	Bộ	1	
2	Máy phá đông								
		Hộp giảm tốc di chuyển dọc	48216033	TYPE: KADS188-Z88-K4-1LA6130-4AA64-Z INPUT SPEED: 1455 l/min OUT SPEED: 2,7 l/min RATIO: 548 OUTPUT SHAFT: H125x580 mm OUTPUT TORQUE: 18297 N/mm OIL QUANTITY: 105 L; CLP VG220 MOUNTING POSITION: H-03-B	REDUCER; GEAR TYPE: KADS188-Z88-K4-1LA6130-4AA64-Z SIZE: 1952x955,5 mm APPLICATION: Reclaimer 01/02 CONNECTION: gear meshing HORSE POWER: 4 kW RATIO: 548 RPM: 1440 rpm SHAFT SIZE: 125 mm TORQUE: 18297 N/mm MATERIAL: N/A ADDITIONAL INFORMATION: Gear box Reclaimer 01/02 type :KADS188-Z88-K4-1LA6130-4AA64-Z (SIEMENS)	Siemens/Đức	Bộ	1	
3	Băng tải								
		Khớp nối thủy lực băng tải 21/22	51745033	Fluid coupling: FLUDEX FND565+N-EUPEX D250	COUPLING; ASSEMBLY TYPE: FLUDEX FND565+N-EUPEX D250 SIZE: N/A MATERIAL: steel APPLICATION: Conveyor 21/22 ADDITIONAL INFORMATION: Fluid coupling type FLUDEX FND565+N-EUPEX D250	FLENDER/Đức	Cái	1	
		Khớp nối thủy lực băng tải 81/82	51745034	Fluid coupling: FLUDEX FND655+N-EUPEX D315	COUPLING; ASSEMBLY TYPE: FLUDEX FND655+N-EUPEX D315 SIZE: N/A MATERIAL: Steel APPLICATION: Conveyor 81/82 ADDITIONAL INFORMATION: Fluid coupling FLUDEX FND655+N-EUPEX D315	FLENDER/Đức	Cái	1	